



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...*22*.../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC riêng năm 2015

Hà Nội, ngày *25* tháng 02 năm 2016

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng năm 2015 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội đã được soát xét (được lập ngày 22/02/2016).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

m
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu THHC





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...34.../HEID-CV

V/v: Giải trình chênh lệch tăng LNST
của năm 2015 so với năm 2014

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính riêng của năm 2015 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Tuy nhiên một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2015 có tăng hơn so với năm 2014 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

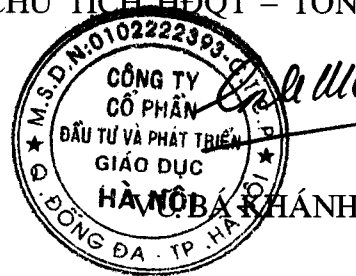
Năm 2015, Công ty tổ chức bán thảo, in ấn và phát hành thêm được một số dòng sản phẩm mới do đó mang lại tổng doanh thu năm 2015 tăng hơn năm 2014, dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2015 cao hơn năm 2014 là 3,9 tỷ đồng (tương ứng tăng sấp xỉ 11%).

Trân trọng báo cáo!

KT.CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT – TỔNG GD CÔNG TY

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC;



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 44
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	12 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23 tháng 03 năm 2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản Trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Trần Ái	Chủ tịch danh dự
Ông Mạc Văn Thiện	Chủ tịch
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Như Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm từ ngày 20/11/2015)
Ông Nguyễn Quốc Hồng	Phó Tổng Giám đốc	(Chuyển công tác từ ngày 01/01/2015)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thị Phương	Trưởng Ban
Bà Phí Ngọc Uyên	Thành viên
Ông Phạm Văn Cẩn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
Địa chỉ: Tòa nhà HEID, Ngõ 12 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Số: 135/2016/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 19/02/2016, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2290-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		241.610.080.835	201.003.857.883
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	33.950.274.033	47.830.445.562
111	1. Tiền		13.950.274.033	27.830.445.562
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	20.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	15.989.800	16.503.900
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(102.786.600)	(102.272.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		58.864.239.379	55.363.828.799
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	39.172.459.207	36.960.115.502
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		24.970.860.956	23.351.203.439
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	572.994.650	595.188.032
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.852.075.434)	(5.542.678.174)
140	IV. Hàng tồn kho	8	133.648.254.396	86.567.656.389
141	1. Hàng tồn kho		144.568.996.064	89.514.246.195
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10.920.741.668)	(2.946.589.806)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.131.323.227	11.225.423.233
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	14.777.193.810	11.000.776.615
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		54.986.516	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	299.142.901	224.646.618

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

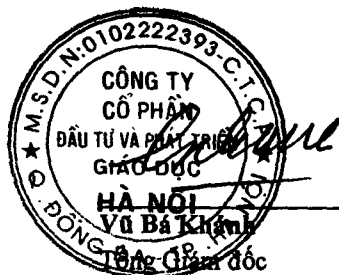
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		159.652.484.617	160.621.319.820
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.139.800.000	4.139.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	4.139.800.000	4.139.800.000
220	II. Tài sản cố định		3.292.468.253	607.485.274
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.292.468.253	607.485.274
222	- Nguyên giá		6.736.372.484	3.742.595.211
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.443.904.231)	(3.135.109.937)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		4.999.011.818	4.541.011.818
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.999.011.818	4.541.011.818
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		140.675.750.000	142.605.750.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		127.682.000.000	125.000.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.243.750.000	12.855.750.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		750.000.000	4.750.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.545.454.546	8.727.272.728
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	6.545.454.546	8.727.272.728
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		401.262.565.452	361.625.177.703



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		177.359.232.543	152.060.634.239
310	I. Nợ ngắn hạn		177.359.232.543	152.060.634.239
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	55.427.793.914	48.630.585.441
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.548.472	50.285.105
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	676.024.135	1.911.510.673
314	4. Phải trả người lao động		7.843.188.004	3.664.347.559
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	20.145.702.828	3.878.550.201
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	466.840.098	351.714.174
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	88.211.121.788	88.858.069.358
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.581.013.304	4.715.571.728
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		223.903.332.909	209.564.543.464
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	223.903.332.909	209.564.543.464
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	24.166.950
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(3.200.876.950)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		34.253.245.110	28.757.414.296
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.841.038.561	10.270.524.238
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.863.393.290	23.713.314.930
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		21.987.200.527	19.837.122.167
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		401.262.565.452	361.625.177.703



Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	473.897.618.137	373.114.836.534
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	7.402.094.172	6.188.144.958
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		466.495.523.965	366.926.691.576
11	4. Giá vốn hàng bán	21	351.434.139.360	277.779.474.201
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		115.061.384.605	89.147.217.375
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.926.533.543	1.337.103.373
22	7. Chi phí tài chính	23	7.085.567.264	8.214.981.590
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.923.020.505	6.221.659.380
25	9. Chi phí bán hàng	24	47.547.810.334	30.137.951.991
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22.203.926.812	15.728.113.283
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40.150.613.738	36.403.273.884
31	11. Thu nhập khác		113.015.395	237.714.470
32	12. Chi phí khác		101.063.066	441.055.828
40	13. Lợi nhuận khác		11.952.329	(203.341.358)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.162.566.067	36.199.932.526
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	8.752.279.601	7.861.186.573
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>31.410.286.466</u>	<u>28.338.745.953</u>



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		40.162.566.067	36.199.932.526
	2. Điều chỉnh cho các khoản		13.780.905.387	2.110.152.101
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		523.082.476	313.162.953
03	- Các khoản dự phòng		8.284.063.222	(3.088.067.359)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.949.260.816)	(1.336.602.873)
06	- Chi phí lãi vay		6.923.020.505	6.221.659.380
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		53.943.471.454	38.310.084.627
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.978.040.639)	(3.410.703.180)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(55.054.749.869)	(9.202.687.193)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		24.998.395.769	13.494.132.778
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.594.599.013)	(4.187.626.780)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.925.595.435)	(6.229.558.984)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(8.613.484.782)	(8.021.361.786)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		145.488.640	301.515.500
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.846.101.393)	(2.190.236.248)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.925.215.268)	18.863.558.734
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(3.666.065.455)	(2.116.061.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		22.727.273	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.070.000.000)	(2.800.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.600.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.365.283.543	292.352.873
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		251.945.361	(4.623.708.945)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		5.122.365.948	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		321.041.488.985	205.912.126.609
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(320.888.436.555)	(181.479.133.985)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.482.320.000)	(13.031.859.450)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.206.901.622)	11.401.133.174



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

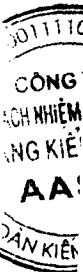
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(13.880.171.529)	25.640.982.963
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		47.830.445.562	22.189.462.599
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>33.950.274.033</u>	<u>47.830.445.562</u>



Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Dương Thị Việt Hà
Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
Người lập



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là: 90 người (tại ngày 31/12/2014 là 83 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách hỗ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Năm 2015, Công ty được thực hiện phát hành sách VNEN theo chương trình thí điểm VNEN lớp 7, năm học 2014 - 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bán đại trà sách VNEN từ lớp 2 đến lớp 6 và bán đại trà sách Tiếng anh. Điều này dẫn đến Doanh thu bán sách giáo khoa và sách tham khảo (Xem tại Thuyết minh 19) trong năm 2015 và số dư khoản mục Hàng tồn kho (trên Bảng cân đối kế toán) tại 31/12/2015 tăng mạnh so với năm 2014 và thời điểm 31/12/2014.

Năm 2015, Công ty thực hiện mua lại 100% vốn của Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục để chuyển từ Công ty liên kết sang thành Công ty con.

Thông tin về các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 32.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc Báo cáo tài chính riêng kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

111103
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM
AAS
KIỂM

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định.

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

2.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá vốn của hàng tồn kho.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14. Vay và chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	63.503.178	544.777.304
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.886.770.855	27.285.668.258
Các khoản tương đương tiền ^(*)	20.000.000.000	20.000.000.000
	<u><u>33.950.274.033</u></u>	<u><u>47.830.445.562</u></u>

^(*)Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Công thương Việt Nam với lãi suất 4%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	118.776.400	15.989.800	(102.786.600)	118.776.400	16.503.900	(102.272.500)
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (STL)	74.600.000	4.800.000	(69.800.000)	74.600.000	5.539.392	(69.060.608)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	21.500.000	5.625.000	(15.875.000)	21.500.000	5.937.500	(15.562.500)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (PHH)	22.400.000	5.520.000	(16.880.000)	22.400.000	4.960.000	(17.440.000)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	276.400	44.800	(231.600)	276.400	67.008	(209.392)
	118.776.400	15.989.800	(102.786.600)	118.776.400	16.503.900	(102.272.500)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	127.682.000.000	127.682.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	125.000.000.000	125.000.000.000	-	125.000.000.000	125.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	2.682.000.000	2.682.000.000	-	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	12.243.750.000	12.243.750.000	-	12.855.750.000	12.855.750.000	-
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	12.243.750.000	12.243.750.000	-	12.243.750.000	12.243.750.000	-
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	-	-	-	612.000.000	612.000.000	-
Các khoản đầu tư khác	750.000.000	750.000.000	-	4.750.000.000	4.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II ^[1]	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000	-	750.000.000	750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông ^[2]	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-
	140.675.750.000	140.675.750.000	-	142.605.750.000	142.605.750.000	-

^[1] Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 25/07/2015 giữa bên chuyển nhượng cổ phần là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với bên nhận chuyển nhượng cổ phần là Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội sẽ thực hiện chuyển nhượng 300.000 cổ phần thuộc sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục II, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho Công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành với tổng giá trị là 3.600.000.000 VND.



^[2] Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông trong 2 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 05/02/2015 giữa bên chuyển nhượng cổ phần là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với bên nhận chuyển nhượng cổ phần là Ông Huỳnh Thông, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội sẽ thực hiện chuyển nhượng 40.000 cổ phần thuộc sở hữu tại Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Tia sáng mới), mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho Ông Huỳnh Thông với tổng giá trị là 400.000.000 VND.

Đợt 2: Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông số 06/2015/NQ-ĐHĐCĐ-GDPT về việc chia tách công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông có thống nhất: Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông sẽ thực hiện chuyển trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội số tiền còn lại là 600.000.000 VND. Dựa theo biên bản làm việc số 01/2015/BTCN ngày 06/03/2015 giữa các bên, Công ty Cổ phần Giáo dục Phổ thông đã thanh toán đầy đủ vào ngày 27/02/2015 và ngày 05/03/2015.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	100%	100%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40,24%	40,24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 31.

Đầu tư vào đơn vị khác:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	5%	5%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Thanh Hóa	6.976.851.025	5.956.546.705
- Các khoản phải thu khách hàng khác	32.195.608.182	31.003.568.797
	39.172.459.207	36.960.115.502
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	7.682.927.965	5.512.406.502

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	208.000.000	-	208.000.000	-
Phải thu khác	364.994.650	-	387.188.032	-
- Ông Hoàng Văn Vân	146.286.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	218.708.650	-	387.188.032	-
	572.994.650	-	595.188.032	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	39.800.000	-	39.800.000	-
Phải thu khác	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
- Phải thu về tiền thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[1]	4.100.000.000	-	4.100.000.000	-
	4.139.800.000	-	4.139.800.000	-

^[1] Công ty đang đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam trong thời gian 5 năm. Mục đích của Quỹ là Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Tại thời điểm 31/12/2015, hoạt động góp vốn này vẫn đang trong giai đoạn triển khai và các bên tham gia Hợp đồng chưa thể xác định được cụ thể về lợi nhuận hay rủi ro sẽ nhận được từ việc đầu tư này.

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội	-	-	1.556.426.538	778.213.269
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa	6.976.851.025	2.882.027.749	3.714.540.514	1.767.524.487
Các đối tượng khác	1.908.555.454	151.303.296	4.639.322.542	1.821.873.664
	8.885.406.479	3.033.331.045	9.910.289.594	4.367.611.420

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc vẫn đang hết sức nỗ lực trong việc thu hồi toàn bộ (100%) các khoản nợ phải thu khó đòi này.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.971.627.871	-	38.069.277.557	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.807.060.351	-	3.625.427.683	-
Thành phẩm	26.211.108.432	(4.996.817.636)	16.319.408.255	(2.131.613.536)
Hàng hoá	39.763.850.694	(5.923.924.032)	27.197.463.841	(814.976.270)
Hàng gửi đi bán	13.815.348.716	-	4.302.668.859	-
	144.568.996.064	(10.920.741.668)	89.514.246.195	(2.946.589.806)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập thêm do giá trị các loại Sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý tăng so với thời điểm đầu năm. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành. Giá trị trích lập dự phòng của hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 10.920.741.668 VND.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	696.891
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ^[1]	8.374.560.713	5.269.982.201
- Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	308.749.090	313.149.091
- Chi phí bản thảo, chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ ^[2]	6.093.884.007	5.416.948.432
	14.777.193.810	11.000.776.615
b) Dài hạn		
- Chi phí thuê kho ^[3]	6.545.454.546	8.727.272.728
	6.545.454.546	8.727.272.728

^[1]Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ).

^[2]Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong năm.

^[3]Đây là chi phí thuê kho ở Bộ tổng Tham mưu trả trước cho 04 năm từ năm 2015 đến năm 2018 theo hợp đồng thuê kho số 137/HĐKT ngày 09/12/2013 và Phụ lục hợp đồng số 137/PLHĐKT ngày 01/06/2014.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.419.889.480	322.705.731	3.742.595.211
- Mua trong năm	3.114.338.182	93.727.273	3.208.065.455
- Thanh lý, nhượng bán	(214.288.182)	-	(214.288.182)
Số dư cuối năm	6.319.939.480	416.433.004	6.736.372.484
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.859.098.399	276.011.538	3.135.109.937
- Khấu hao trong năm	455.143.031	67.939.445	523.082.476
- Thanh lý, nhượng bán	(214.288.182)	-	(214.288.182)
Số dư cuối năm	3.099.953.248	343.950.983	3.443.904.231
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	560.791.081	46.694.193	607.485.274
Tại ngày cuối năm	3.219.986.232	72.482.021	3.292.468.253

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.049.967.484 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công trình nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	4.699.011.818	4.241.011.818
- Công trình Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ^[2]	300.000.000	300.000.000
	4.999.011.818	4.541.011.818

^[1]Góp vốn theo Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa các bên Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND;
- Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã thực hiện góp 90% số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.723.950.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất:

- Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án;
- Phần vốn tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam;



- Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án.

Năm 2013, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2013 là 2.124.950.000 VND.

Năm 2014, Công ty đã góp tiếp số tiền thực hiện dự án là 2.116.061.818 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2014 là 4.241.011.818 VND. Trong đó nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHĐGV ngày 1/7/2014 là 1.271.061.818 VND; Còn lại là góp vốn theo các công văn với tổng số tiền là 2.943.950.000 VND.

Năm 2015, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 458.000.000 VND. Tổng số kinh phí mà Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án lũy kế đến 31/12/2015 là 4.699.011.818 VND. Trong đó:

- Góp vốn theo Công văn số 16/CV/HAPCO ngày 26/01/2015 là 19.000.000 VND;
- Góp vốn theo Công văn số 74/CV/HAPCO ngày 13/05/2015 là 122.000.000 VND;
- Góp vốn theo Công văn 183/CV/HAPCO ngày 28/10/2015 là 317.000.000 VND.

^[2]Theo Hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH Một Thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa”. Hiện tại Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

11105
CÔNG T
NHÌEM H
G KIỂM
AAS
IN KIỂM

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	12.934.149.027	12.934.149.027	12.500.264.599	12.500.264.599
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	24.984.057.772	24.984.057.772	18.536.483.081	18.536.483.081
- Phải trả cho các đối tượng khác	17.509.587.115	17.509.587.115	17.593.837.761	17.593.837.761
	55.427.793.914	55.427.793.914	48.630.585.441	48.630.585.441
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	43.022.802.018	43.022.802.018	37.100.923.784	37.100.923.784

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.370.874.647	818.572.152	2.189.446.799	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	112.476.573	8.752.279.601	8.613.484.782	-	251.271.392
Thuế thu nhập cá nhân	216.803.618	428.159.453	3.507.899.466	3.585.802.459	291.299.901	424.752.743
Các loại thuế khác	7.843.000	-	3.000.000	3.000.000	7.843.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	269.907.394	269.907.394	-	-
	224.646.618	1.911.510.673	13.351.658.613	14.661.641.434	299.142.901	676.024.135

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	99.308.986	101.883.916
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bản, công in	15.004.246.266	2.045.031.011
Trích trước chi phí chiết khấu phát hành	4.258.149.466	730.811.463
Trích trước chi phí vận chuyển	321.830.837	1.000.823.811
Chi phí phải trả khác	462.167.273	-
	20.145.702.828	3.878.550.201

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	246.614.658	322.165.574
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	145.488.640	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	74.736.800	29.548.600
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	74.736.800	29.548.600
	466.840.098	351.714.174



16. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^[1]	73.028.743.301	73.028.743.301	267.645.847.252	258.937.376.739	81.737.213.814	81.737.213.814
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam ^[2]	15.829.326.057	15.829.326.057	50.895.641.733	60.251.059.816	6.473.907.974	6.473.907.974
	88.858.069.358	88.858.069.358	318.541.488.985	319.188.436.555	88.211.121.788	88.211.121.788
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	88.858.069.358	88.858.069.358	318.541.488.985	319.188.436.555	88.211.121.788	88.211.121.788

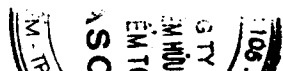
Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^[1]Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ TDHM-HEID ngày 01/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND; Trong đó bao gồm cả tổng số dư L/C phát hành không vượt quá 50.000.000.000 VND; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến 30/06/2016;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh; Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 08 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, Theo thông báo kết quả thẩm định và định giá tài sản số 657A/2014 TB-AMC.HN-TĐ ngày 11/06/2014 với giá trị 67.336.000.000 VND.

^[2]Hợp đồng tín dụng số 1300000220577 ngày 31/07/2014 giữa bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản cụ thể sau:

- Hạn mức tín dụng: 32.000.000.000 VND; Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến ngày 31/07/2016;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ; Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu và được ghi trong sổ kế toán của bên thế chấp tại thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị ít nhất tương đương 30.000.000.000 VND.



17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	20.784.654.214	7.166.600.347	29.226.124.622	204.000.669.183
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	28.338.745.953	28.338.745.953
Trích lập các quỹ	-	-	-	7.972.760.082	3.103.923.891	(11.076.683.973)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.311.771.672)	(9.311.771.672)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(13.463.100.000)	(13.463.100.000)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	24.166.950	(3.200.876.950)	28.757.414.296	10.270.524.238	23.713.314.930	209.564.543.464
Tăng do tái phát hành cổ phiếu quỹ ^[1]	-	1.932.783.050	3.200.876.950	-	-	-	5.133.660.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	31.410.286.466	31.410.286.466
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(17.482.320.000)	(17.482.320.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	5.495.830.814	1.570.514.323	(7.066.345.137)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(3.141.028.646)	(3.141.028.646)
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.570.514.323)	(1.570.514.323)
Chi phí tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(11.294.052)	-	-	-	-	(11.294.052)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	-	34.253.245.110	11.841.038.561	25.863.393.290	223.903.332.909

^[1] Căn cứ vào Nghị quyết số 8-2014/NQ-HĐQT ngày 10/12/2014 của Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch bán toàn bộ 431.400 cổ phiếu quỹ nhằm mục đích bổ sung vốn cho sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện bán toàn bộ số cổ phiếu trên cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vào ngày 20/01/2015 với giá giao dịch bình quân là 11.900 đồng/ cổ phiếu (mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phiếu). Phần chênh lệch giữa giá giao dịch và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 1.932.783.050 VND.



Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-2015 ngày 05/01/2015 thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014 và phương án phân chia kết quả kinh doanh năm 2014 dự kiến, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận trong năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		28.338.745.953
Trích Quỹ dự phòng tài chính	10%	2.833.874.595
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	2.833.874.595
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.416.937.298
Trích bổ sung Vốn chủ sở hữu	5%	1.416.937.299

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ là 12%/cổ phiếu (mỗi cổ phiếu được nhận 1.200 VND) và trích lập Quỹ Đầu tư phát triển từ lợi nhuận còn lại theo Nghị quyết số 09-2014/NQ-HĐQT ngày 11/12/2014 của Hội đồng Quản trị, cụ thể như sau:

Chi trả cổ tức	17.482.320.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.354.802.166

Căn cứ theo phương án dự kiến phân chia kết quả kinh doanh năm 2014 được nêu tại Nghị quyết số 04-2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		31.410.286.466
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	3.141.028.648
Trích Quỹ bổ sung Vốn chủ sở hữu	5%	1.570.514.323
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	3.141.028.646
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	1.570.514.323

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	Tỷ lệ %	01/01/2015 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của cổ đông khác	150.000.000.000	100,00%	145.686.000.000	97,13%
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	55.932.000.000	37,29%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	12.083.890.000	8,06%	10.222.890.000	6,82%
- Các cổ đông khác	77.670.110.000	51,78%	79.531.110.000	53,02%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	-	0,00%	4.314.000.000	2,87%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.482.320.000	13.463.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.482.320.000	13.463.100.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	431.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	431.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	14.568.600
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	14.568.600

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	34.253.245.110	28.757.414.296
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.841.038.561	10.270.524.238
	46.094.283.671	39.027.938.534

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:	17.544.002.934	19.453.301.114
- Từ 1 năm trở xuống	5.492.411.125	5.492.411.125
- Từ 1 năm đến 5 năm	11.892.483.627	11.892.483.627
- Trên 5 năm	159.108.182	2.068.406.362

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	473.897.618.137	373.114.836.534
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	241.583.464.645	203.093.171.156
- <i>Doanh thu lịch Block</i>	3.563.073.382	5.157.165.588
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	166.200.528.157	63.220.045.783
- <i>Doanh thu nhượng bán vật tư</i>	44.074.313.813	54.306.243.165
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	18.476.238.140	47.338.210.842
	473.897.618.137	373.114.836.534
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	114.524.590.541	66.628.107.274

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.551.849.045	4.120.649.650
Hàng bán bị trả lại	1.850.245.127	2.067.495.308
	7.402.094.172	6.188.144.958

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	343.459.987.498	281.328.051.396
- <i>Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	165.814.920.604	146.931.221.379
- <i>Giá vốn lịch Block</i>	2.971.471.125	4.736.807.855
- <i>Giá vốn sách tham khảo</i>	114.805.548.144	35.153.333.751
- <i>Giá vốn nhượng bán vật tư</i>	45.885.204.410	55.124.713.031
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác</i>	13.982.843.215	39.381.975.380
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.974.151.862	(3.548.577.195)
	351.434.139.360	277.779.474.201

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	236.044.793	315.695.583
Lãi bán các khoản đầu tư	600.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.090.488.750	1.020.907.290
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	500.500
	1.926.533.543	1.337.103.373

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.923.020.505	6.221.659.380
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	160.295.300	1.999.960.736
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	514.100	(7.514.000)
Chi phí tài chính khác	1.737.359	875.474
	7.085.567.264	8.214.981.590

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.690.787	23.557.362
Chi phí nhân công	15.961.411.561	13.348.468.672
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	231.275.975	265.787.692
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.200.619	171.847.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.111.953.615	9.158.704.373
Chi phí khác bằng tiền	10.118.277.777	7.169.586.383
	47.547.810.334	30.137.951.991

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.822.359.015	944.721.647
Chi phí nhân công	6.626.471.562	5.448.521.093
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	79.652.027	111.009.614
Chi phí khấu hao tài sản cố định	438.881.857	141.315.444
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	309.397.260	468.023.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.133.065.814	3.643.238.846
Chi phí khác bằng tiền	5.791.099.277	4.968.282.803
	22.203.926.812	15.728.113.283



26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	40.162.566.067	36.199.932.526
Các khoản điều chỉnh tăng	512.275.134	553.641.005
- Tài sản vượt quá 1,6 tỷ	46.000.000	-
- Các khoản tiền phạt, chi phí không hợp lệ	124.052.926	433.641.017
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành, tiền hỗ trợ trang phục cho thành viên HĐQT	342.222.208	119.999.988
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.090.488.750)	(1.020.907.290)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(1.090.488.750)	(1.020.907.290)
Thu nhập chịu thuế TNDN	39.584.352.451	35.732.666.241
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 22%)	8.708.557.539	7.861.186.573
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	112.476.573	272.651.786
Thuế TNDN phải nộp bổ sung khắc phục năm trước	43.722.062	20.328.238
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.613.484.782)	(8.041.690.024)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh	251.271.392	112.476.573

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	148.333.421.027	113.178.333.657
Chi phí nhân công	22.587.883.123	18.796.989.765
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	310.928.002	376.797.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	523.082.476	313.162.953
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	309.397.260	468.023.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.146.903.390	57.532.370.197
Chi phí khác bằng tiền	39.369.883.542	12.137.869.186
	297.584.498.820	202.806.546.900

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.950.274.033	-	47.830.445.562	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	43.885.253.857	(5.852.075.434)	41.695.103.534	(5.542.678.174)
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(102.786.600)	118.776.400	(102.272.500)
Đầu tư dài hạn	750.000.000	-	4.750.000.000	-
	78.704.304.290	(5.954.862.034)	94.394.325.496	(5.644.950.674)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	88.211.121.788	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	55.894.634.012	48.982.299.615
Chi phí phải trả	20.145.702.828	3.878.550.201
	164.251.458.628	141.718.919.174

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ

hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.950.274.033	-	-	33.950.274.033
Phải thu khách hàng, phải thu khác	33.893.378.423	4.139.800.000	-	38.033.178.423
Đầu tư ngắn hạn	15.989.800	-	-	15.989.800
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	-	750.000.000
Cộng	67.859.642.256	4.889.800.000	-	72.749.442.256
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.830.445.562	-	-	47.830.445.562
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.012.625.360	4.139.800.000	-	36.152.425.360
Đầu tư ngắn hạn	16.503.900	-	-	16.503.900
Đầu tư dài hạn	-	4.750.000.000	-	4.750.000.000
Cộng	79.859.574.822	8.889.800.000	-	88.749.374.822

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	88.211.121.788	-	-	88.211.121.788
Phải trả người bán, phải trả khác	55.894.634.012	-	-	55.894.634.012
Chi phí phải trả	20.145.702.828	-	-	20.145.702.828
	164.251.458.628	-	-	164.251.458.628
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	88.858.069.358	-	-	88.858.069.358
Phải trả người bán, phải trả khác	48.982.299.615	-	-	48.982.299.615
Chi phí phải trả	3.878.550.201	-	-	3.878.550.201
	141.718.919.174	-	-	141.718.919.174

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, sách giáo dục và sách khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

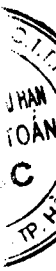
Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Góp vốn vào Công ty			
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	2.070.000.000	612.000.000
Vay từ Công ty Con			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	1.000.000.000	2.200.000.000
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	247.163.006	66.732.076
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	6.450	-
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	1.111.635.228	222.912.756
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	21.631.656.480	21.196.391.490
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.840.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	3.297.364.095
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	12.600.357.590	2.352.415.048
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	8.200.887.032	7.470.290.245
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	6.279.607.282	3.116.183.521
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	3.778.600	151.986.876
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	95.835.500	4.151.520

1110
CÔNG
CH NHIỆM
NG KI
AA
OANK

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	6.217.654.235	1.878.910.075
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	46.378.505.852	17.631.702.150
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	-	598.758.196
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	2.895.565.388	2.502.796.927
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	3.964.637.643	3.229.775.402
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	8.394.043	40.589.591
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.304.667.619	571.927.997
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	137.530.000	41.627.300
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.958.293.669	1.570.789.552
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	488.414.924	678.962.457
Chi phí thuê văn phòng, dịch vụ khác			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	1.138.736.140	275.969.368
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	264.436.363	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	352.240.000	342.304.000
Mua vật tư, phí tổ chức, quản lý xuất bản			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	5.909.091	2.500.000
Công ty Cổ phần Sách Dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	4.403.166.384	6.519.356.967
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	35.595.991.534	22.163.287.465
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	125.000.000	131.250.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	40.203.504	35.511.588
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	4.810.000	144.000



	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
		VND	VND
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	371.530.041	314.067.360
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	Cùng Tập đoàn	21.444.700	11.604.780
Công ty Cổ phần Sách Đại học Dạy nghề	Cùng Tập đoàn	289.475.624	52.470.176
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	750.102.040	646.458.576
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	10.261.742.719	12.309.720.645
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.316.865.016	2.522.993.364
Công ty Cổ phần Học liệu	Cùng Tập đoàn	5.134.400.960	3.658.111.929
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	389.326.419	1.010.296.765
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	6.775.058.187	3.957.871.666
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	-	1.005.714
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	5.571.429	3.682.800
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.729.468.980	10.527.138.311
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	21.561.600	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.982.860
Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tây	Công ty liên kết	-	907.500.000
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	112.500.000	112.500.000
Lãi vay phải trả trong kỳ			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	1.248.511.892	-



Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của tập đoàn	1.959.027.063	34.039.198
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	-	1.821.960.408
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn	1.568.873.050	652.158.610
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn	462.824.789	425.624.701
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	171.790.780	261.158.042
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	990.499.074	611.856.866
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	117.512.085	601.196.890
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn	280.000.564	299.319.160
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	1.360.153.340	596.102.340
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	233.984.757	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo Dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	499.556.663	208.990.287
Công ty Cổ phần Sách Dân Tộc	Cùng Tập đoàn	38.705.800	-
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	-	3.932.800

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	24.984.057.772	18.536.483.081
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	2.459.647.053	2.880.253.227
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	12.934.149.027	12.500.264.599
Nhà xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	-	131.250.000
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	33.943.984
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	-	45.148.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	-	74.237.200
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.016.931.216	1.428.035.119
Công ty Cổ phần Học Liệu	Cùng Tập đoàn	1.079.400.960	481.154.158
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	-	213.577.861
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	548.615.990	776.576.555
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn	5.714.728	35.390.200
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT		1.886.003.276	2.300.807.411



32. SỐ LIỆU SO SÁNH

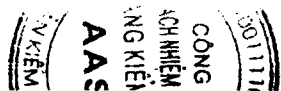
Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Riêng Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để có thể so sánh được với năm nay.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số	Tên khoản mục	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	121	Chứng khoán kinh doanh	118.776.400	-
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(102.272.500)	122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(102.272.500)	-
131	Phải thu khách hàng	36.960.115.502	131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.960.115.502	-
132	Trả trước cho người bán	23.351.203.439	132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	23.351.203.439	-
135	Các khoản phải thu khác	387.188.032	136	Phải thu ngắn hạn khác	595.188.032	208.000.000
158	Tài sản ngắn hạn khác	208.000.000	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(208.000.000)
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.542.678.174)	137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.542.678.174)	-
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	224.646.618	153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	224.646.618	-
218	Phải thu dài hạn khác	4.100.000.000	216	Phải thu dài hạn khác	4.139.800.000	39.800.000
268	Tài sản dài hạn khác	39.800.000	268	Tài sản dài hạn khác	-	(39.800.000)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.541.011.818	-
258	Đầu tư dài hạn khác	4.750.000.000	253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.750.000.000	-
311	Vay và nợ ngắn hạn	88.858.069.358	320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	88.858.069.358	-
312	Phải trả người bán	30.094.102.360	311	Phải trả người bán ngắn hạn	48.630.585.441	18.536.483.081
317	Phải trả nội bộ	18.536.483.081	316	Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	(18.536.483.081)
313	Người mua trả tiền trước	50.285.105	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50.285.105	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.911.510.673	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.911.510.673	-
315	Phải trả người lao động	3.664.347.559	314	Phải trả người lao động	3.664.347.559	-
316	Chi phí phải trả	3.878.550.201	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.878.550.201	-



Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số	Tên khoản mục	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	351.714.174	319	Phải trả ngắn hạn khác	351.714.174	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.715.571.728	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.715.571.728	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	150.000.000.000	-
414	Cổ phiếu quỹ	(3.200.876.950)	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	8.827.741.301	415	Cổ phiếu quỹ	(3.200.876.950)	-
418	Quỹ dự phòng tài chính	19.929.672.995	418	Quỹ đầu tư phát triển	28.757.414.296	19.929.672.995
419	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	10.270.524.238	(19.929.672.995)
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.713.314.930	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.713.314.930	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	3.876.192.763	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	19.837.122.167	-
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
24	Chi phí bán hàng	30.137.951.991	25	Chi phí bán hàng	30.137.951.991	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.728.113.283	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.728.113.283	-



Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Dương Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng

Lương Ngọc Bích
 Người lập

